

Số: 1936/TM-BVT

Điện Biên, ngày 01 tháng 7 năm 2026

V/v: Đề nghị báo giá đồ vải năm 2026 cho
Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên.

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp hàng hoá

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam và Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ y tế Thông tư quy định về trang phục y tế;

Căn cứ Quyết định số 576/QĐ - SYT ngày 27/6/2022 của Sở Y tế tỉnh Điện Biên V/v Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị SNCL thuộc Sở Y tế giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-BVT ngày 02/02/2026 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-BVT ngày 16/01/2026 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.

Hiện nay, Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên có nhu cầu Mua đồ vải năm 2026 để phục vụ công tác chuyên môn. Để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo

của quy trình mua sắm hàng hoá, Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp hàng hoá, gửi báo giá với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

Địa chỉ: Phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên

Mã số thuế: 5600179012.

Người Đại diện: Ông Phạm Tiến Biên Chức vụ: Giám đốc

2. Danh mục hàng hóa đề nghị báo giá:

(Chi tiết theo danh mục đính kèm)

3. Mục đích:

Làm căn cứ xác định giá gói thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

4. Điều kiện cung cấp dịch vụ:

Là đơn vị được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh các hàng hóa trên.

5. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Lê Thị Thu Huyền

Chức vụ: Thành viên tổ chuyên gia đấu thầu

Số điện thoại: 0386777857

Địa chỉ Email: tochuyengiadauthaubvt@gmail.com

6. Cách tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên (phường Mường Thanh, tỉnh Điện Biên) hoặc qua địa chỉ Email: tochuyengiadauthaubvt@gmail.com.

7. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 02/7/2026 đến trước 17h ngày 10/7/2026.

Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

8. Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 10/7/2026.

9. Mẫu báo giá: Theo Phụ lục đính kèm.

10. Thời gian cung cấp hàng hóa dự kiến: 90 ngày.

11. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên.

Rất mong Quý Công ty, đơn vị tham gia báo giá để có cơ hội hợp tác cung cấp hàng hoá cho Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trang thông tin ĐTBV;
- Lưu: VT, TCHC.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC**

TS.BS. Phạm Tiến Biên

MẪU BÁO GIÁ

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Mã số thuế:

Địa chỉ Email (nếu có):

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên

[Tên đơn vị thẩm định giá] xin gửi tới bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên lời chào trân trọng.

[Tên đơn vị thẩm định giá] Là nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực

Chúng tôi được biết quý Cơ quan đang chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu [tên gói thầu] Tên đơn vị thẩm định giá [ghi tên địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] nhận thấy có đủ khả năng hoàn thành tốt công tác thẩm định giá cho gói thầu nêu trên vì vậy chúng tôi xin gửi tới quý bệnh viện báo giá (gửi kèm các tài liệu chứng minh năng lực nhà thầu, bảng dự toán chi tiết) chi tiết như sau:

1. Báo giá cung cấp hàng hoá dịch vụ:

STT	Danh mục hàng hoá	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá (ghi theo Danh mục gói thầu)	Thông số kỹ thuật của vải	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ) (đã bao gồm VAT)
1							
2							
3							
...							
	Tổng cộng:						

2. Báo giá này có hiệu lực trong Ngày (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày....tháng...năm....Đến ngày....tháng....năm.....Kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin khoản 5 mục 1 – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp

- Giá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ CUNG CẤP

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC

(Kèm theo thư mời báo giá số 1936/TM-BVT ngày 01/7/2026
của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên)

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Áo choàng mổ	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ± 1 , 35,7% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 151,8 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ± 1 , ngang 228 ± 1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt. Áo choàng dài tay 55cm, cổ liền khẩu trang, thân trước liền, thân sau mở buộc dây, cổ tàu 3cm, dài áo 1,24 m, bo chun tay 6cm - Phía trước ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN–2026 (hình vòng cung ngực trái) - May theo số đo từng người	Bộ	500
2	Săng mổ KT: 2 mx1,5 m (lấy theo thông số thầu năm 2025)	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu, thấm máu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ± 1 , 35,7% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 151,8 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ± 1 , ngang 228 ± 1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt đường may viền 4 xung quanh chắc chắn, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 săng)	Bộ	700
3	Săng lỗ mổ KT:1,8mx1,5m	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu, thấm máu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ± 1 , 35,7% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 151,8 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ± 1 , ngang 228 ± 1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện.	Bộ	100

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		- Màu sắc: màu xanh cổ vịt đường may viền 4 xung quanh chắc chắn, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng) ĐK lỗ: 15cm có lớp táp lỗ		
4	Săng sản KT:1,2x0,8m	- Chất liệu vải Phin : chất liệu mềm, dễ thấm nước, thấm máu + Chất liệu vải: 100% Cotton + Khối lượng vải (g/m2): 136.5 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 270 ±1 , ngang 244 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền xé rách (N): Dọc 24.8 ±1 , ngang 16 ±1 + Độ bền màu với chất tẩy Naclo (cấp): 4-5 - Màu sắc: Trắng may viền 4 xung quanh chắc chắn in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Cái	50
5	Săng KT:0,4mx0,4m	- Chất liệu vải thô mỏng loại I: chất liệu mềm, thấm máu, dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu + Chất liệu vải: 89.1% Polyester ±1, 10.9% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 176.6 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 300 ±1 , ngang 236 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-0.2) ±0.2 ; ngang (-0.3) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy: Naclo (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu trắng (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 sáng)	Cái	100
6	Bọc hai lớp KT:1,2mx1,2m	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu + Chất liệu vải: 64.3% Polyester ±1, 35.7% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 151.8 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±1 , ngang 228 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt, may trần chéo, may viền 4 xung quanh in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 bọc)		
7	Bọc hai lớp KT: 0,6mx0,6m	- Chất liệu vải kaki loại I : ít nhăn dễ giặt sạch, giặt không bị phai màu, thấm máu + Chất liệu vải: 64.3% Polyester ±1, 35.7% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 151.8 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±1 , ngang 228 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt, may trần chéo, may viền 4 xung quanh in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 bọc)	Cái	50
8	Ga xanh KT:2,5mx1,5m	- Chất liệu Kaki loại 1 + Chất liệu vải: 65% Polyester ±1, 35% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 148.8 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 510 ±1, ngang 226 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc (-0.6) ±0.2 , ngang (-0.4) ±0.2 - Màu sắc: màu xanh két (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 ga)	Cái	300
9	Áo người bệnh số 1	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ±1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ±1	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		+ Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 3 túi, phía trước trên ngực trái, dài áo 72 cm, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung) - Áo dài tay 57cm		
10	Áo người bệnh số 2	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 3 túi, phía trước trên ngực trái, dài áo 68 cm, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2026 (hình vòng cung) - Áo dài tay 53cm	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
11	Quần người bệnh số 1	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ± 1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: - Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 - Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 - Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Quần luôn chun, không may chun cố định, dài quần 97, in cách cạp quần 10 cm in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung)	Cái	300
12	Quần người bệnh số 2	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m²): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ± 1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải:	Cái	300

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Quần luôn chun, không may chun cố định, dài quần 89, in cách cạp quần 10 cm in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2026 (hình vòng cung)		
13	Màn tuyn cá nhân	Chất liệu: 100% sợi Filament Polyester (PE) Mật độ lỗ lưới tiêu chuẩn: Từ 20 đến 25 lỗ /1cm ² Kiểu mắt dệt: Dệt hoa văn lục giác (hình tổ ong) hoặc hình kim cương. Khối lượng vải màn: từ 30-40g/m ² Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 Màu trắng, Dài 2 m, rộng 1m x cao 1.8m, đính màn viền màu xanh theo chiều rộng in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN - 2026 (hình vòng cung) ở góc màn	Bộ	700
14	Áo sản phụ	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1 , 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m ²): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1 , ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2 ; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ± 1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng	Cái	100

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		- Áo: dài 75, rộng 160cm cổ tròn, cài cúc giữa dài tay, dáng suông, phía trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN-2026 (hình vòng cung)		
15	Váy sản phụ	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ± 1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ± 1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: - Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ± 1 - Dọc xanh: 149.8 (D) ± 1 - Ngang: 96.5/2(Ne) ± 1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng - Váy: dài 85cm, rộng 175cm, dáng suông, dây rút, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN-2026 (hình vòng cung) cách cạp váy 10 cm	Cái	100
16	Vỏ gối KT: 65cm x47cm	- Chất liệu vải kate kẻ sọc dày: vải ít nhăn dễ giặt sạch + Chất liệu vải: 30% Polyester ± 1, 70% Cotton ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 295.9 ± 1 - màu sắc: sọc xanh lam - Vỏ gối may úp thìa 27 cm mặt sau, may viền 4 cạnh, trần 1 đường xung quanh; in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 gối)	Cái	900
17	Ruột gối KT:60cmx42cm	- Ruột gối: Độ cao (độ phồng) tự nhiên: Từ 12-15cm (khi không chịu lực ép); Chất liệu lõi bông 100% sợi Polyester tái sinh hoặc nguyên sinh, loại bông hạt trắng nhỏ không thấm nước, giặt không	Cái	700

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		bị vốn cục; Trọng lượng ruột bông 600 gam. - Chất liệu vỏ bọc ruột gối: Vỏ bọc chất vải phin, hoặc vải lon, màu trắng. May đè máy chắc chắn.		
18	Chăn hè KT:1,8m x 2m	- Màu sắc, chất liệu vải mặt ngoài: Màu vàng + Chất liệu vải: 100% Cotton + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 535 ±1, ngang 238 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc (-1.5±0.2; Ngang (-1.8) ±0.2 - Chất liệu lõi bông chăn bên trong: 100% sợi bông Polyester dạng tấm, sợi bông mảnh, có độ toi xốp, không thấm nước và kháng khuẩn tốt. Mật độ mũi may chăn: Đạt từ 3,8-4,5 mũi/1cm. Đường chỉ may phải đều đặn, không bị bỏ mũi, không có chỉ thừa. - Tổng trọng lượng chăn: 1,2kg - Quy cách: Chăn bông viền. Bề mặt chăn được chạy các đường chỉ chăn giúp cố định lớp bông bên trong, không bị xô lệch, vốn cục khi giặt giữ. Được may nẹp viền chắc chắn xung quanh bốn cạnh. In chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung điềm giữa 1/3 chăn.	Cái	400
19	Quần nhân viên phòng mổ cỡ 80-90kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát, thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người + Chất liệu vải: 66% Polyester ±1, 34% Cotton ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280±1 , ngang 272 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ±0.2 , ngang (-1.1) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu xanh dương Quần: Kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, cạp quần may chun cố định , Size XXL; in chữ PHÒNG MỔ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026. (Viền mép túi đằng sau màu Đỏ)	Cái	60
20	Quần nhân viên phòng mổ cỡ 60 - 70kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát, thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người + Chất liệu vải: 66% Polyester ±1, 34% Cotton ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ±1 , ngang 272 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ±0.2 , ngang (-1.1) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5	Cái	80

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		- Màu sắc: màu xanh dương - Quần: Kiểu quần âu 2 ly, 2 túi chéo, cạp quần may chun cổ định, Size XL; in chữ PHÒNG MỔ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (Viền mép túi đằng sau màu Vàng)		
21	Áo nhân viên phòng mổ cỡ 80-90kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát, thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người + Chất liệu vải: 66% Polyester ± 1 , 34% Cotton ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ± 1 , ngang 272 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ± 0.2 , ngang (-1.1) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu xanh dương - Size XXL. Ngắn tay, cổ trái tim chui đầu, dài áo ngang hông phía trước có 3 túi, , size rất lớn 130cm; in chữ PHÒNG MỔ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (Viền mép trong cổ áo phía sau màu Đỏ)	Cái	60
22	Áo nhân viên phòng mổ cỡ 60kg- 70kg	- Chất liệu vải kate ford : Chất liệu vải mặc mát thấm mồ hôi. Mùa đông mặc không bị dính vào người. + Chất liệu vải: 66% Polyester ± 1 , 34% Cotton ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 280 ± 1 , ngang 272 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt(%): Dọc (-1.2) ± 0.2 , ngang (-1.1) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 - Màu sắc: màu xanh dương - Size XL. Ngắn tay, cổ trái tim chui đầu, dài áo ngang hông phía trước có 3 túi; in chữ PHÒNG MỔ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (Viền mép trong cổ áo phía sau màu Vàng)	Cái	80
23	Quần trẻ em từ 5-7 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ± 1, 33.3% Rayon ± 1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ± 1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ± 1, ngang 308 ± 1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ± 0.2; ngang (-0.2) ± 0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5	Cái	150

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		+ Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Quần luôn chun, may chun cố định, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung)		
24	Quần trẻ em từ 8 đến 10 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): Dọc trắng: 918/Z ±1 Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Quần luôn chun, may chun cố định, in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 –	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		2026 (hình vòng cung)		
25	Áo trẻ em từ 5- 7 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ±1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ±1 + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: - Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 - Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 - Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 2 túi, phía trước trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 1 – 2026 (hình vòng cung) áo tay dài	Bộ	150
26	Áo trẻ em từ 8 đến 10 tuổi (theo mẫu)	- Chất liệu vải kate sọc : + Chất liệu vải: 66.7% Polyester ±1, 33.3% Rayon ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 132.9 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 526 ±1, ngang 308 ±1 + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): dọc (-1.1) ±0.2; ngang (-0.2) ±0.2 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi tách ra từ vải(X/M): - Dọc trắng: 918/Z ±1 - Dọc xanh: Sợi Filament, không xoắn - Ngang: 1063/Z ±1	Cái	50

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
		+ Độ nhỏ sợi tách ra từ vải: Dọc trắng: 80.3/2 (Ne) ±1 Dọc xanh: 149.8 (D) ±1 Ngang: 96.5/2(Ne) ±1 + Hàm lượng formaldehyde: không phát hiện. - Màu sắc: sọc xanh trắng Áo Pyjama cài cúc giữa, cổ hai ve, phía trước có 2 túi, phía trước trên ngực trái in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN SỐ 2 – 2026 (hình vòng cung) áo tay dài		
27	Săng lồ tê KT:1mx0,8m	- Chất liệu vải kaki hoàn nguyên : vải ít nhăn dễ giặt sạch, thấm máu + Chất liệu vải: 64,3% Polyester ±1 , 35,7% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 151,8 ±1 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 506 ±1 , ngang 228 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. - Màu sắc: màu xanh cổ vịt may trần chéo , in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2026 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 săng) ĐK lỗ: 15cm	Cái	50
28	Ga chun 4 góc KT:2,2mx1,2m	- Chất liệu Kaki loại 1 + Chất liệu vải: 65% Polyester ±1, 35% Cotton ±1 + Khối lượng vải (g/m2): 148.8 + Mật độ vải (sợi/10cm): dọc 510 ±1, ngang 226 ±1 + Độ bền màu giặt ở 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện. + Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%): Dọc (-0.6) ±0.2 , ngang (-0.4) ±0.2 - Màu sắc: màu xanh kết KT Chiều dài 2,2m, chiều rộng 1,2m, chiều cao 13cm, gập góc vuông bo chun 4 góc (in chữ BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH ĐIỆN BIÊN – 2022 (hình vòng cung, điểm giữa 1/3 ga)	Cái	12

STT	Danh mục hàng hóa	Kiểu dáng, quy cách hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng
	<i>Tổng : 28 khoản</i>			